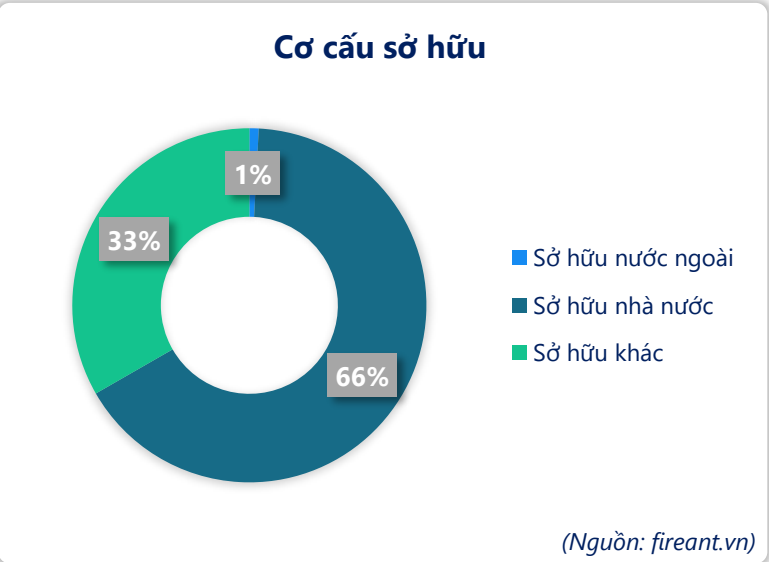
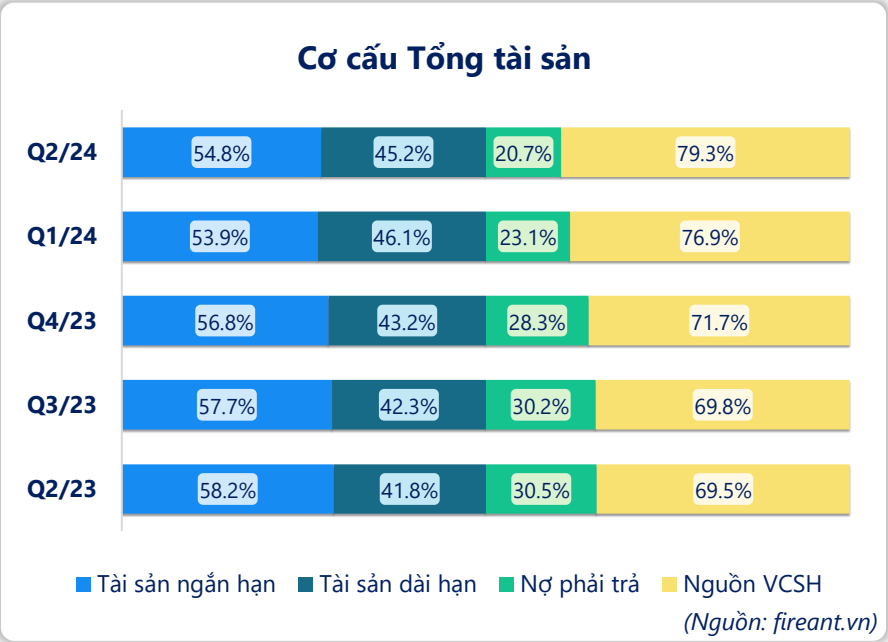
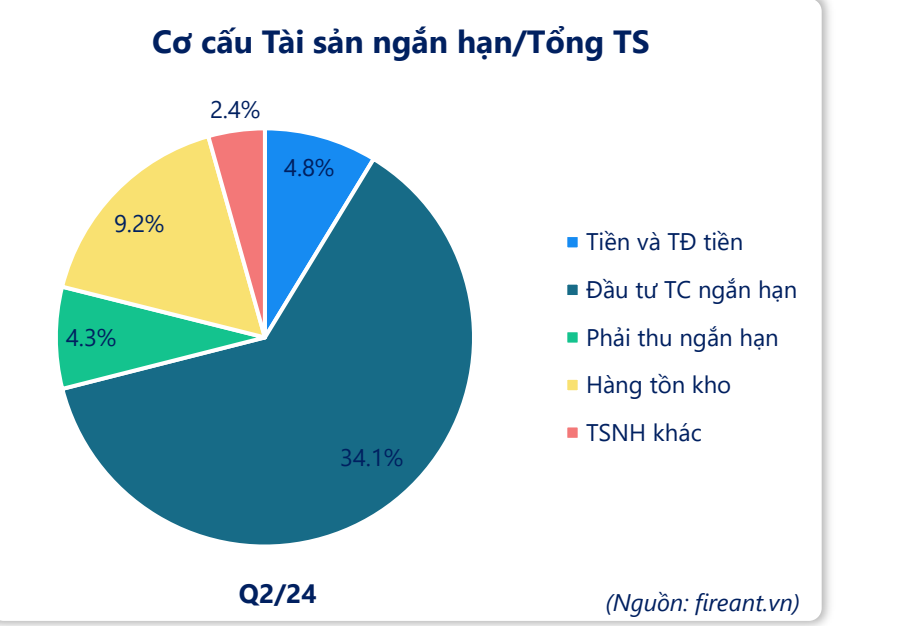
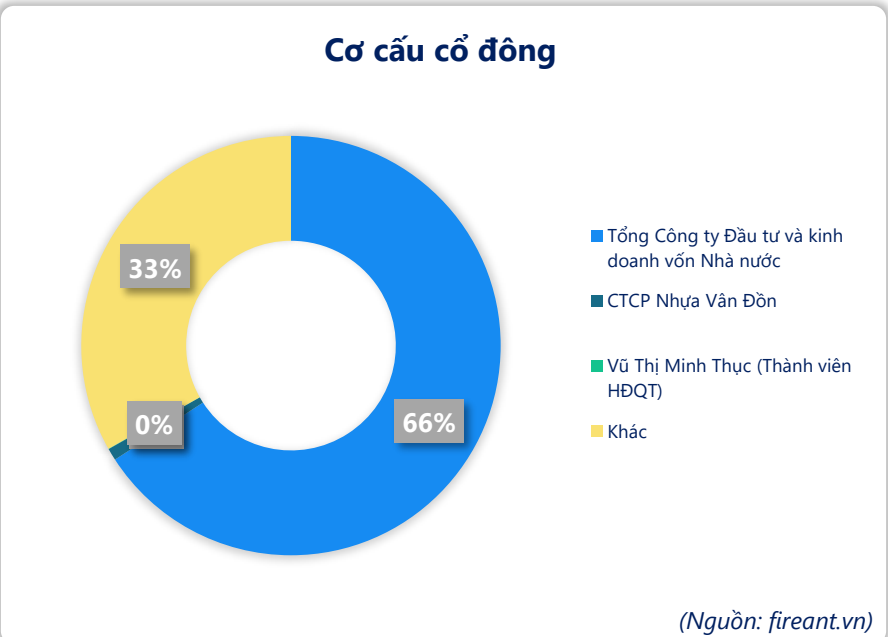
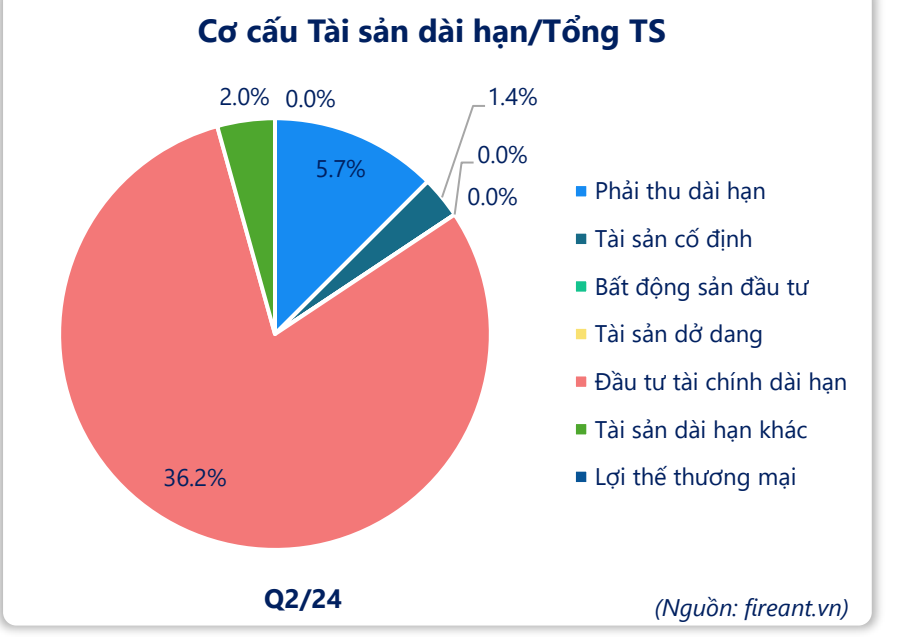
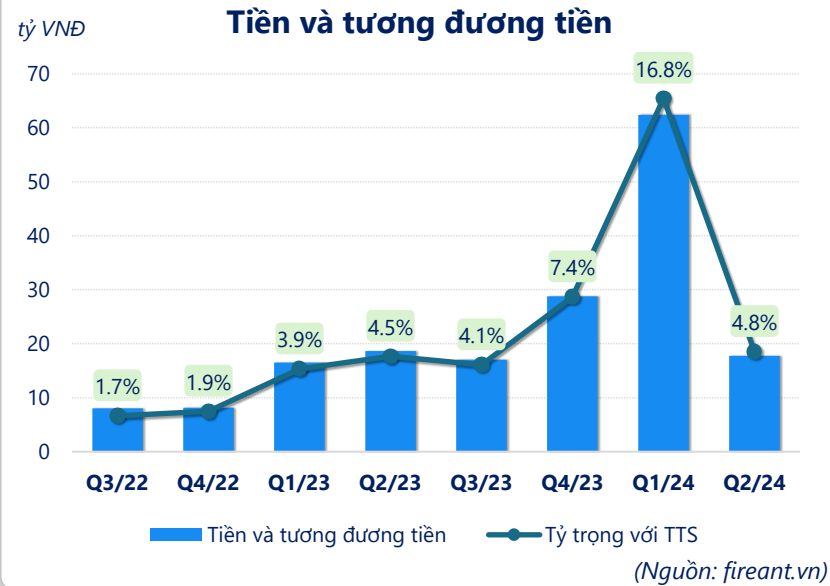
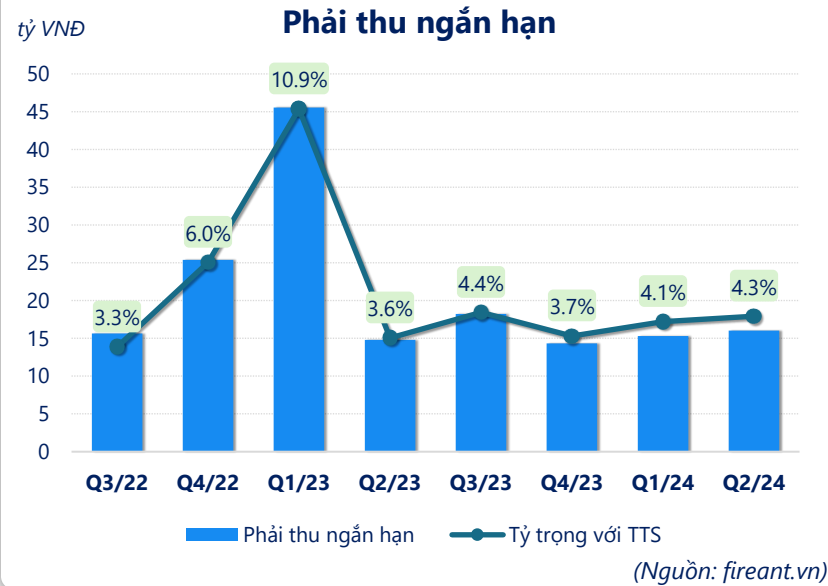
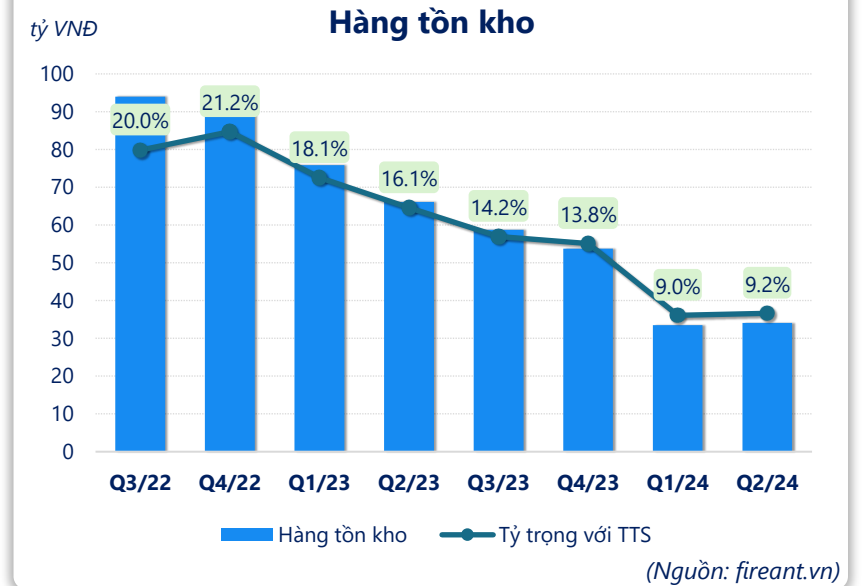
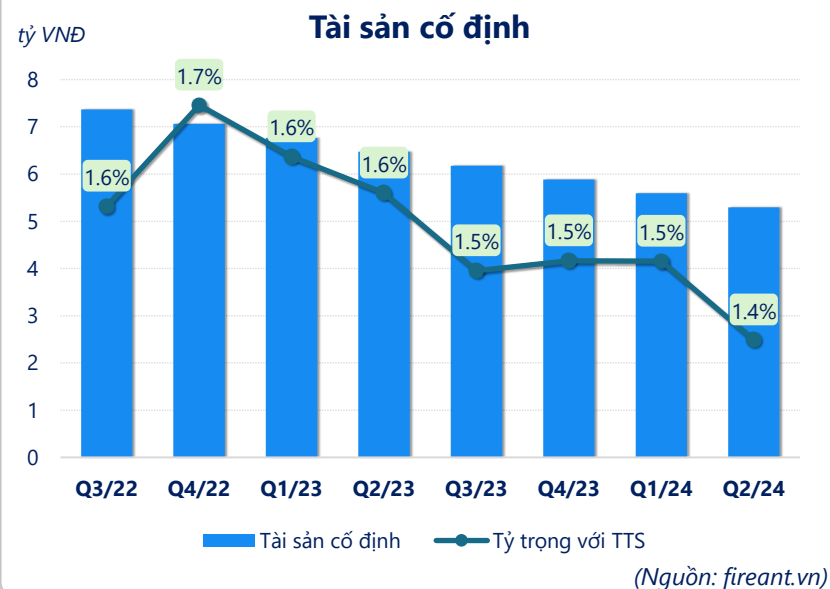
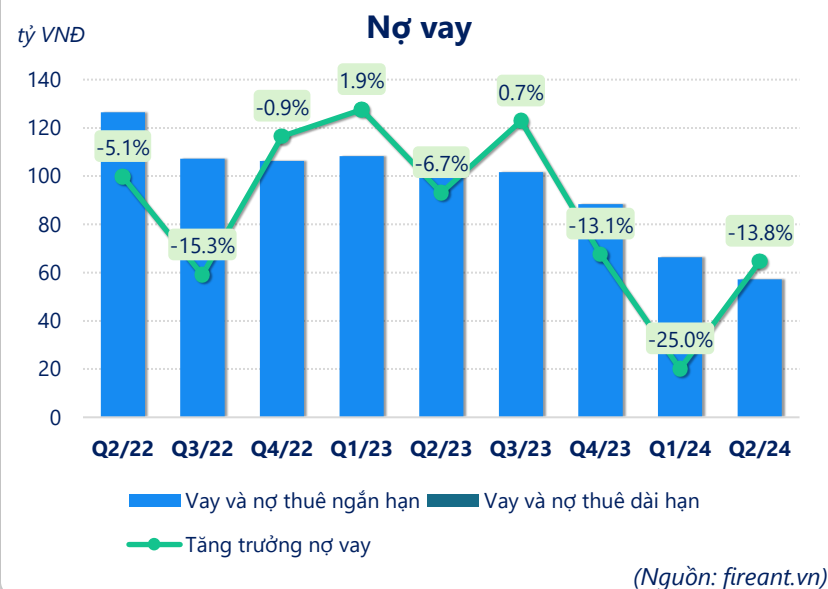
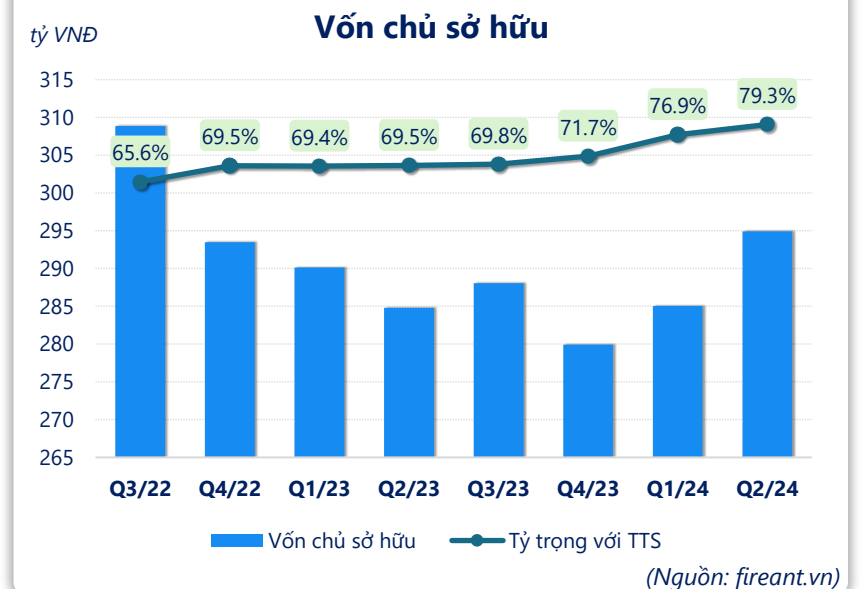
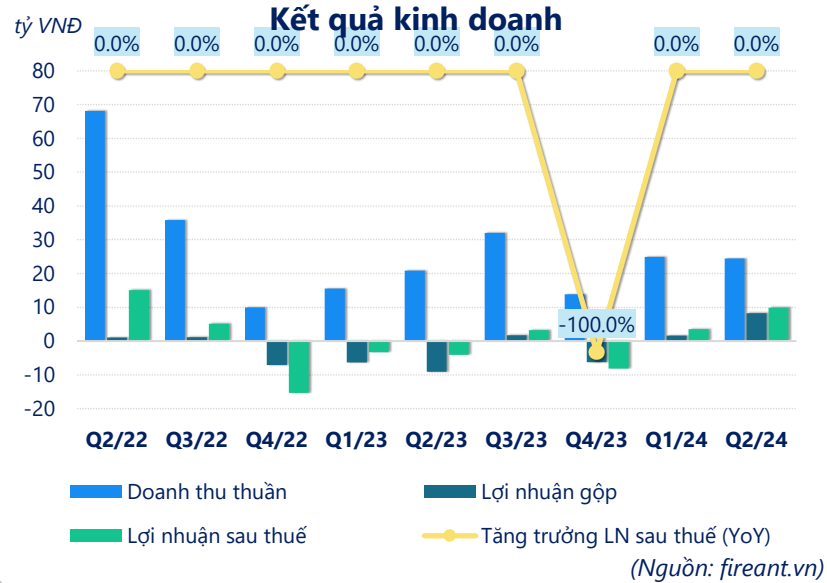
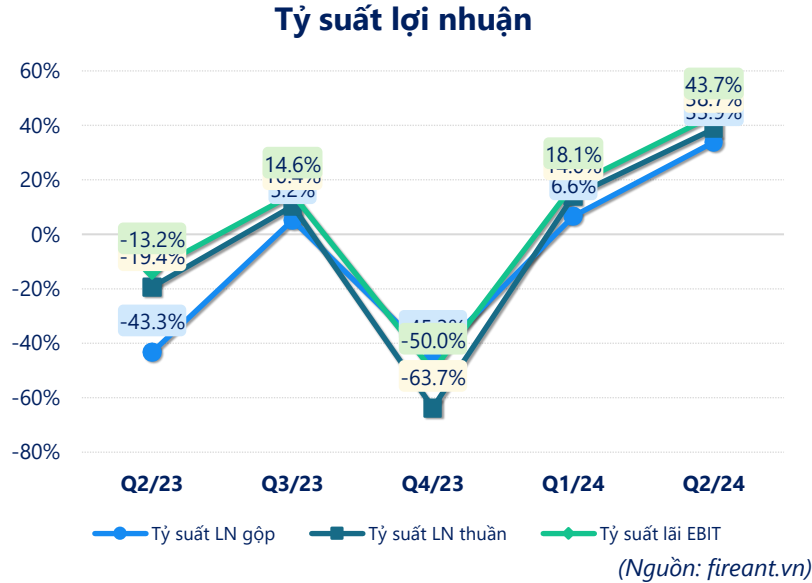
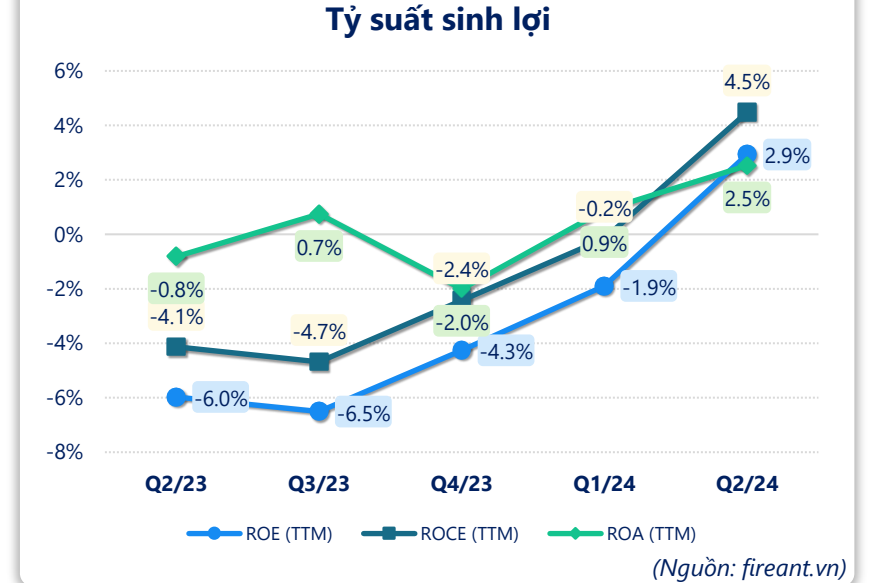
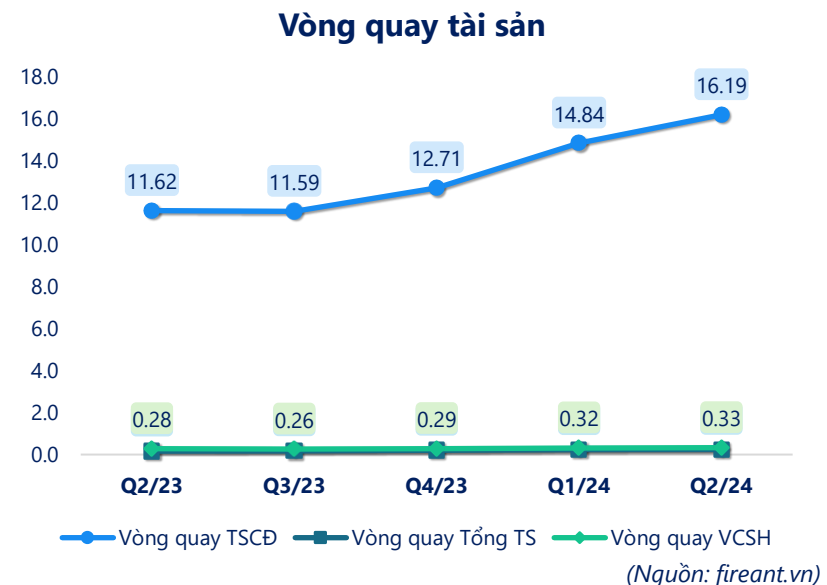
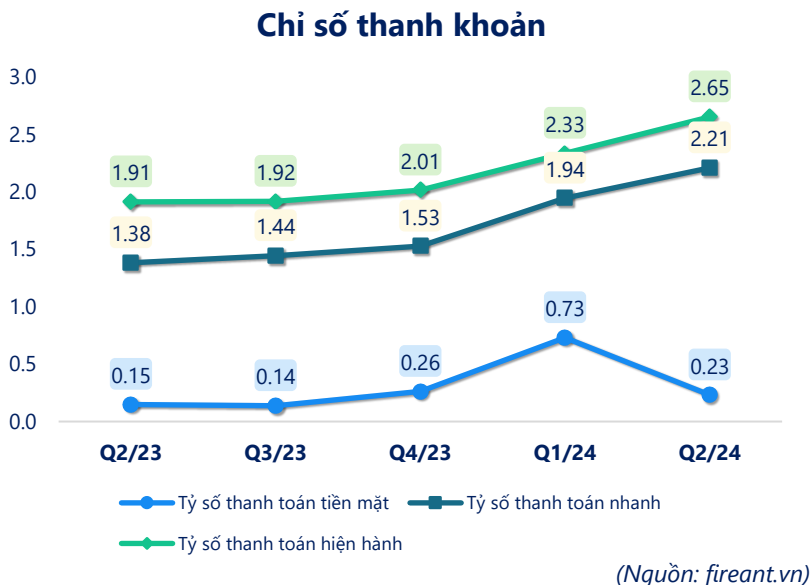
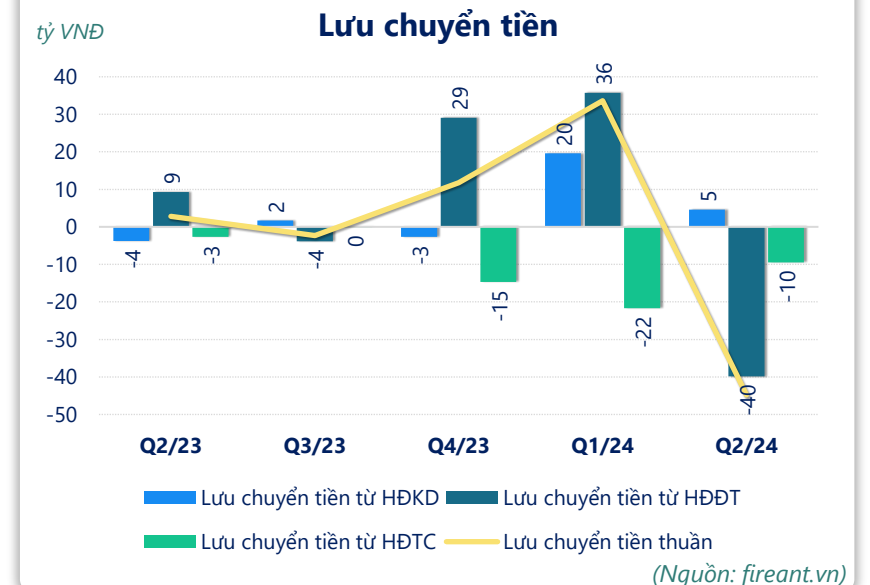


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,100
SL cổ phiếu LH		19,428,913
KLGD BQ 20 phiên (CP)		56,070
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		233
P/E		27.5
EPS		437

	YTD	1T	3T	6T
VNP	0.0%	-2.4%	-3.2%	-5.5%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	372	392	-5.1%
Tài sản ngắn hạn	204	223	-8.8%
Tiền và tương đương tiền	17.7	28.8	-38.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	127	114	11.4%
Phải thu ngắn hạn	16.0	14.4	11.6%
Hàng tồn kho	34.1	55.4	-38.5%
Tài sản ngắn hạn khác	8.90	10.9	-18.4%
Tài sản dài hạn	168	168	-0.1%
Phải thu dài hạn	21.0	21.0	0.0%
Tài sản cố định	5.30	5.88	-10.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	135	134	0.4%
Tài sản dài hạn khác	7.25	7.42	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	76.9	110	-30.2%
Nợ ngắn hạn	76.8	110	-30.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.1	88.4	-35.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.57	2.03	26.7%
Nợ dài hạn	0.12	0.12	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	295	282	4.7%
Vốn chủ sở hữu	295	282	4.7%
Vốn điều lệ	194	194	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	20.9	32.1	13.8	24.9	24.5
Giá vốn hàng bán	29.9	30.4	20.0	23.3	16.2
Lợi nhuận gộp	-9.05	1.68	-6.25	1.66	8.28
Doanh thu HĐTC	5.62	2.93	1.96	2.09	1.15
Chi phí TC	0.30	1.75	2.36	1.02	1.13
Chi phí lãi vay	1.34	1.36	1.25	1.02	0.82
LN trong công ty LKLD	2.57	3.57	2.53	2.93	3.51
Chi phí bán hàng	0.99	0.92	1.10	0.78	0.72
Chi phí QLDN	1.90	2.18	3.57	1.38	1.62
LN thuần từ HĐKD	-4.05	3.33	-8.79	3.49	9.47
Lợi nhuận khác	-0.05	0.00	0.64	0.00	0.39
LN trước thuế	-4.09	3.33	-8.15	3.49	9.87
Lợi nhuận sau thuế	-4.09	3.27	-8.15	3.49	9.87
LNST của CĐ cty mẹ	-4.07	3.27	-8.14	3.49	9.87

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.74	1.73	-2.67	19.6	4.58
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.24	-3.87	29.1	35.7	-39.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.68	-0.14	-14.7	-21.7	-9.50
Tiền đầu kỳ	16.5	19.3	17.1	28.8	62.4
Lưu chuyển tiền thuần	2.83	-2.28	11.7	33.6	-44.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.02	0.00	0.04	0.08
Tiền cuối kỳ	19.3	17.1	28.8	62.4	17.7

(Nguồn: fireant.vn)